

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-4-2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Vũ

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp TH, xã TP, huyện Cd, thành phố Cần Thơ “có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Phan Tấn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp TX, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/12/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh T xác lập hôn nhân năm 2012; có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9/2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Chị T nhiều lần khuyên can chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm

T sinh ngày 28/11/2013 và Phan Tấn T sinh ngày 29/11/2015. Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

Bị đơn Phan Tấn T thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo chị T trình bày là chưa đúng. Nguyên nhân vợ chồng thường hay cãi vã là do vợ anh nghi ngờ anh có quan hệ bất chính, ghen tuông vô cớ, có lần anh nhắn tin cho một người bạn gái hẹn uống cà phê thì vợ anh nghi ngờ mang con về nhà ngoại sinh sống đến nay. Anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa: Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Con chung: Chị T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Cho chị T ly hôn với anh T. Con chung giao cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T xác lập hôn nhân năm 2012 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Anh T mong muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Quá trình tố tụng, anh chị có yêu cầu cho thời gian để vợ chồng tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, nhưng anh chị vẫn không giải quyết được. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh T đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T với anh Phan Tấn T.

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Phan Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Thị Cẩm T sinh ngày 28/11/2013 và cháu Phan Tấn T sinh ngày 29/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Trần Thị Cẩm T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 013536 ngày 25/12/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn